

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 5 năm 2025
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thu Hằng

Bà Vũ Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Bích N, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 01 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Vũ Thị Bích N trình bày: Bà đăng ký kết hôn với ông Đỗ Văn Thường N1 08 tháng 3 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường L,

thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 7 năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà có nghi ngờ ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà không được chứng kiến trực tiếp việc ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác mà do bà nghe qua nhiều bạn bè và tin nhắn qua điện thoại của ông T. Sau khi biết việc ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bà có trao đổi, nói chuyện với ông T nhưng ông T không thừa nhận (Việc ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ nào, tên tuổi, địa chỉ ở đâu thì bà không biết và bà cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc ông T có quan hệ với người phụ nữ khác). Từ đó bà và ông T không tìm được tiếng nói chung; ông T không tôn trọng bà nên cứ gặp nhau là cãi nhau. Việc bà và ông T có mâu thuẫn chỉ hai người tự giải quyết với nhau, bà không báo cáo với chính quyền địa phương để nhờ địa phương giải quyết. Bà và ông T đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Sau khi sống ly thân hai người không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà và ông Đỗ Văn T có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo L, sinh ngày 23/4/2007 (Cháu L đang ở với ông T). Tại đơn xin ly hôn và lời khai trong thời hạn giải quyết vụ án bà xin nuôi cháu L nhưng đến ngày xét xử vụ án cháu L đã trên 18 tuổi, cháu đã có công ăn việc làm đủ nuôi sống bản thân nên việc ở với ai là do cháu L tự quyết định, ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu quan điểm như sau: Trong thời hạn giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ và việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Vũ Thị Bích N. Xử cho bà Vũ Thị Bích N được ly hôn ông Đỗ Văn T.

- Về án phí: Bà Vũ Thị Bích N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Đỗ Văn T; ông T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố A, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc do đó đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Bị đơn ông Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ Hôn nhân: Bà Vũ Thị Bích N kết hôn với ông Đỗ Văn T có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Theo lời trình bày của bà N thì sau khi kết hôn, thời gian đầu bà N và ông T chung sống hòa thuận, hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà N nghi ngờ ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà N không biết ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ nào, tên tuổi, địa chỉ ở đâu và bà cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc ông T có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ đó dẫn đến hai người không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau, hai người đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Tòa án có báo gọi ông T nhiều lần, ông T là người trực tiếp nhận giấy triệu tập và con trai ông T là người sống chung cùng địa chỉ với ông T nhận thay và cam kết giao cho ông T. Tại phiên tòa cháu L có mặt, cháu trình bày: Sau khi nhận giấy triệu tập của Tòa án gửi cho ông T là bố đẻ cháu, cháu đã về giao tận tay ông T còn ông T có đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án hay không thì cháu không biết. Mặc dù ông T đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án, nhưng ông đều không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà N cho Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải để các bên về sống đoàn tụ

được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay bà N và ông T đã không chung sống cùng nhau và không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà N xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà Vũ Thị Bích N và giấy khai sinh của cháu L do bà N giao nộp tại Tòa án thì bà N và ông Đỗ Văn T có 01 con chung là Đỗ Bảo L, sinh ngày 23/4/2007; đến nay cháu L đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được việc cháu ở với ai là do cháu tự quyết định, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức: Bà Vũ Thị Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Vũ Thị Bích N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Bích N được ly hôn ông Đỗ Văn T.

Về án phí: Bà Vũ Thị Bích N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006391 ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên. Bà N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- UBND phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Tố Uyên